

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2021/DS-ST

Ngày 26-3-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á

2. Bà Trần Thị Thu Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Trường Minh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 214/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quang H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu phố Thạnh Xuân Đ, phường Hoài H, thị xã N, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị Thu Ph, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố Thạnh Xuân Đ, phường Hoài H, thị xã N, tỉnh B (Văn bản ủy quyền số 425 quyền số 01 SCT/CK, ĐC ngày 05 tháng 3 năm 2021).

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Trần X, sinh năm 1962

Bà Đinh Thị C, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thị xã N, tỉnh B.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2020, lời khai của ông Trần Quang H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Thu Ph trình bày:

Vào ngày 03/10/2018 ông Trần Quang H có bán cho vợ chồng ông Trần X, bà Đinh Thị C 02 máy phục vụ tàu đi biển với số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), hai bên có làm hợp đồng mua bán nhưng hiện nay hợp đồng đã bị

thất lạc. Ngày 03/10/2018 vợ chồng ông X bà C trả trước cho ông H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), đến ngày 14/12/2018 trả 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); tổng cộng vợ chồng ông X bà C đã trả cho ông H được 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), còn nợ 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Ngày 20/3/2019 vợ chồng ông X bà C viết giấy hẹn nợ thời gian trả tiền là 3 tháng, sau thời hạn trên ông H đến đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông X, bà C không trả cho ông H. Do đó, ông H yêu cầu vợ chồng ông Trần X, bà Đinh Thị C phải trả cho ông số tiền còn nợ là 200.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên Tòa bà Ph là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đồng ý việc xin trả dần của bị đơn.

- Theo lời khai của bị đơn bà Đinh Thị C trình bày:

Ngày 03/10/2018 vợ chồng bà Đinh Thị C, ông Trần X có mua của ông Trần Quang H 02 máy phục vụ tàu đi biển số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), vợ chồng bà C đã trả cho ông H được tổng cộng là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) còn nợ 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), ngày 20/3/2019 vợ chồng bà C ông X có viết giấy hẹn nợ, thời gian trả tiền là 3 tháng. Bà C thừa nhận hiện nay vợ chồng bà còn nợ ông Trần Quang H 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên bà C xin trả dần số tiền trên cho ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên Tòa không có lý do nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Trần X, bà Đinh Thị C phải liên đới trả cho ông Trần Quang H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông X, bà C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Q, thị xã N, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho vợ chồng ông Trần X, bà Đinh Thị C nhưng tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông X, bà C vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần X và bà Đinh Thị C.

[2] Về nội dung: Ngày 03/10/2018 ông Trần Quang H và vợ chồng ông Trần X, bà Đinh Thị C giao kết hợp đồng dân sự cụ thể là ông H bán cho vợ chồng ông X, bà C 02 (hai) máy phục vụ cho tàu đi biển với số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), vợ chồng ông X bà C đã trả trước cho ông H tổng cộng số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), còn nợ 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Ngày 20/3/2019 vợ chồng ông X bà C viết giấy hẹn nợ, thời gian trả tiền là 3 tháng vợ chồng ông X, bà C sẽ trả số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) cho ông H nhưng vợ chồng ông X bà C không thực hiện dẫn đến hai bên phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đinh Thị C thừa nhận việc mua bán như nguyên đơn đã trình bày, hiện tại vợ chồng bà còn nợ ông H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc vợ chồng ông X bà C đã mua hai máy phục vụ tàu đi biển và còn nợ ông H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) là có thật và đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, vợ chồng ông X, bà C phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông H.

[3] Xét thấy, hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Trần Quang H và vợ chồng ông Trần X, bà Đinh Thị C là phù hợp với quy định tại Điều 430, Bộ luật dân sự; việc nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông X, bà C trả lại số tiền nợ từ hợp đồng mua bán tài sản là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Bà C thừa nhận vợ chồng bà còn nợ ông H 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và đồng ý trả tiền nhưng xin trả dần số tiền trên cho đến khi hết nợ, việc này không được bên nguyên đơn chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử xét buộc vợ chồng ông Trần X bà Đinh Thị C trả cho ông Trần Quang H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) là phù hợp với quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã N phù hợp với nhận định trên nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông X, bà C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Hoàn trả cho ông Trần Quang H 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai ông H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “ Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang H. Buộc vợ chồng ông Trần X, bà Đinh Thị C trả cho ông Trần Quang H 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Trần X bà Đinh Thị C phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Trần Quang H 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000265 ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Bích